

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2018/HS-ST
Ngày: 13 - 7 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Linh

Thẩm phán: Bà Trần Thị Thúy Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Khỏe
2. Ông Trần Bửu Thọ
3. Ông Huỳnh Tấn Xem

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Phước Sang – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:

1. Ông Võ Văn Hoàng - Kiểm sát viên
2. Ông Hoàng Hiến - Kiểm sát viên

Trong ngày 13 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 16/2018/TLST-HS ngày 17 tháng 4 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2018/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang đối với bị cáo:

Trịnh Văn H (HH, HBT), sinh năm 1950 tại huyện CK, tỉnh Trà Vinh; nơi cư trú: Ấp HA, xã HT, huyện CK, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Văn T và bà Đinh Thị H (đều đã chết); vợ là bà Lê Thị N, sinh năm 1953; năm 1989 chung sống như vợ chồng với bà Lâm Thị B, sinh năm 1957 (bị hại trong vụ án); có 04 người con, lớn sinh năm 1971, nhỏ sinh năm 1990; anh, chị, em ruột có 10 người, bị cáo là người thứ nhất.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt, tạm giam từ ngày 12/5/2017 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Trịnh Văn H:* Ông Phan Văn Đ – Luật sư của Văn phòng luật sư Trần Ngọc P thuộc Đoàn luật sư tỉnh An Giang - Có mặt.

- *Người bị hại:*

1. Chị Đoàn Thị Thúy Đ, sinh năm 1996 (Có mặt)

2. Bà Lâm Thị B, sinh năm 1957 (đã chết)

- *Người đại diện hợp pháp của người bị hại Lâm Thị B:*

1. Ông Nguyễn Thanh L, sinh năm 1979 (Vắng mặt)

2. Bà Nguyễn Thị Tô C, sinh năm 1977 (Có mặt)

3. Ông Nguyễn Hoài Th, sinh năm 1975 (Có mặt)

Cùng cư trú: Khu vực PT, phường TP, quận CR, thành phố Cần Thơ.

4. Ông Trịnh Hùng H1, sinh năm 1995 (Có mặt)

5. Bà Trịnh Thị Như Y, sinh năm 1990 (Có mặt)

Cùng cư trú: Khu phố 4, thị trấn AT, huyện PQ, tỉnh Kiên Giang.

(Đều là con ruột của người bị hại Lâm Thị B)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Hồng A, sinh năm 1953 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Khu vực PT, phường TP, quận CR, thành phố Cần Thơ.

(Các ông, bà Nguyễn Thanh L, Nguyễn Thị Tô C và Nguyễn Hồng A ủy quyền cho ông Nguyễn Hoài Th theo Giấy ủy quyền ngày 04/7/2017)

- *Người làm chứng:*

1. Bà Lê Thị N, sinh năm 1953 (Vắng mặt)

Cư trú: Ấp HA, xã HT, huyện CK, tỉnh Trà Vinh.

2. Ông Lê Văn C, sinh năm 1972 (Vắng mặt)

Cư trú: Ấp PB, xã AB, huyện TS, tỉnh An Giang.

3. Ông Đoàn Văn Tr, sinh năm 1951 (Vắng mặt)

Cư trú: Ấp PB, xã AB, huyện TS, tỉnh An Giang.

4. Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1939 (Vắng mặt)

Cư trú: Ấp TT, xã VT, huyện TS, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 1986, Trịnh Văn H quen và sống chung như vợ chồng với bà Lâm Thị B tại ấp 4, xã AT, huyện PQ, tỉnh Kiên Giang (nay là khu phố 4, thị trấn AT, huyện Phú Quốc), có 02 người con chung là Trịnh Thị Như Y, sinh năm 1990 và Trịnh Hùng H1, sinh năm 1995. Đến năm 2002, cả hai xảy ra mâu thuẫn, nên B bỏ đến sinh sống tại nhà Nguyễn Thị Tô C (tự YL, con riêng của bà B) ở ấp PA, xã TP, huyện TS, tỉnh An Giang (nay là ấp PB, xã AB, huyện TS). H nhiều lần đến tìm, kêu bà B trở về nhà, nhưng bà B không đồng ý.

Ngày 27/12/2002, H tiếp tục đến nhà C tìm bà B, nhưng không gặp. Nghi ngờ bà B có tình cảm với người đàn ông khác và lấy hết tiền, bỏ nhà đi để lại hai con nhỏ cho H nuôi, nên H nảy sinh ý định tạt acid vào người bà B, nhằm hủy hoại nhan sắc. Để thực hiện, H nói cho Võ Hoàng V (tự MN, cha nuôi của H) ở khu phố BH (nay là khu phố KT), huyện KL, tỉnh Kiên Giang biết và nhờ V tìm người để thuê tạt acid bà B thì V đồng ý và thuê 01 người đàn ông tên M (không rõ họ, địa chỉ) cho H với giá 500.000 đồng. Ngày 28/12/2002, H hẹn gặp M tại bến xe BH rồi cả hai đến nhà của C để H chỉ nơi bà B ở và nhận dạng bà B. Đến khoảng 15 giờ ngày 29/12/2002, M đem theo 1,5 lít acid đựng trong bình nhựa (loại 02 lít) màu trắng, để trong túi nylon màu đen và cùng H đi xe đến kênh AB ở ấp PA, xã TP, huyện TS, cách nhà C khoảng 200 mét. M, H xuống xe đi bộ đến bờ kênh gần nhà C, ngồi đợi mọi người đi ngủ để thực hiện. Đến khoảng 01 giờ ngày 30/12/2002, thấy mọi người trong nhà C đã ngủ, cửa nhà trước khép và trước sân nhà còn ánh đèn. H kêu M thực hiện, M cầm bình nhựa có chứa acid, bơi qua kênh, đi vào nhà C đến nơi giường của bà B đang nằm ngủ bên trong mùng với cháu ngoại là Đoàn Thị Thúy Đ (sinh năm 1996), M lấy acid đổ ra ca nhựa màu đỏ lấy ở phía sau nhà của C tạt vào giường ngủ làm trúng vào cơ thể bà B, Đ rồi tẩu thoát. Bà B tri hô thì được C và Đoàn Thanh V (chồng của C) cùng mọi người đưa đi cấp cứu tại bệnh viện, đến ngày 10/02/2003, bà B tử vong tại Bệnh viện Chợ Rẫy, còn Đ điều trị tại Bệnh viện Nhi Đồng I Thành phố Hồ Chí Minh đến ngày 21/3/2003 ra viện.

Sau khi gây án, H trở về huyện PQ, tỉnh Kiên Giang điện thoại thông báo cho Lê Thị N (vợ trước của H) biết đã dùng acid hủy hoại thân thể của B; căn dặn N đi ngủ nhớ khóa cửa để tránh người khác trả thù và bỏ trốn đến nhiều địa phương khác sinh sống bằng nghề làm thuê với tên gọi khác là HBT.

Ngày 13/02/2003, H bị Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang khởi tố điều tra. Do H bỏ trốn nên ngày 06/6/2003 Cơ quan

Cảnh sát điều tra – Công an huyện Thoại Sơn ra Quyết định truy nã, đến ngày 12/5/2017, H bị bắt giữ.

Biên bản giám định pháp y số 177/BB.PY ngày 06/6/2003 của Tổ chức giám định pháp y tỉnh An Giang, kết luận:

Đoàn Thị Thúy Đ, sinh năm 1996, bỏng acid gây biến dạng, để lại di chứng nặng nề vùng mặt và rải rác cẳng tay phải; hư và chít hẹp hoàn toàn mắt phải. Tỷ lệ thương tật 68%.

Căn cứ Hồ sơ bệnh án số 1688 của Bệnh viện Chợ Rẫy, ghi nhận: Lâm Thị B, sinh năm 1957, bị bỏng acid 20% độ II, III toàn thân, đến ngày 10/02/2003 chết.

Căn cứ Kết luận giám định số 370 ngày 28/8/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh An Giang, ghi nhận:

Dấu vân tay in trên danh chỉ bản số 34 ngày 25/5/2017 viết tên Trịnh Văn H, sinh năm 1954, hộ khẩu thường trú ấp HA, xã HT, huyện CK, tỉnh Trà Vinh và dấu vân tay in trên tờ khai Chứng minh nhân dân số 330351707 mang tên Trịnh Văn H, sinh năm 1950, hộ khẩu thường trú ấp HA, xã APT, huyện CK, tỉnh Cửu Long là của cùng một người in ra.

Bản cáo trạng số 15/CT-VKSAG-P1 ngày 16/4/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang đã truy tố bị cáo Trịnh Văn H về tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 4 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Trịnh Văn H thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và khai nhận: Do nghi ngờ bà Lâm Thị B có tình cảm với người đàn ông khác và lấy hết tiền, bỏ lại 02 con nhỏ cho bị cáo nuôi nên bị cáo mới nảy sinh ý định tạt acid để hủy hoại nhan sắc của B. Bị cáo nhờ Võ Hoàng V (cha nuôi của bị cáo) thuê người tên Minh với giá 500.000 đồng để tạt acid B như nội dung vụ án. Bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, rất ăn năn, hối cải và đồng ý bồi thường theo yêu cầu của người bị hại Đoàn Thị Thúy Đ và đại diện hợp pháp cho người bị hại Lâm Thị B; xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bị hại Đoàn Thị Thúy Đ trình bày: Vào đêm 30/12/2002, trong lúc đang ngủ cùng bà ngoại là Lâm Thị B thì bị một người tạt acid vào người nhưng không biết ai. Hiện nay, sức khỏe vẫn chưa ổn định và cần phải tiếp tục điều trị. Yêu cầu bị cáo bồi thường chi phí điều trị với số tiền 170.000.000 đồng.

Ông Nguyễn Hoài Th (đại diện hợp pháp cho người bị hại Lâm Thị B) trình bày: Vào đêm 30/12/2002, trong lúc đang ngủ tại nhà của Nguyễn Thị Tô C thì Lâm Thị B và Đoàn Thị Thúy Đ bị một người tạt acid như nội dung vụ án. Sau

đó, gia đình đã đưa Lâm Thị B và Đoàn Thị Thúy Đ đi cấp cứu tại bệnh viện. Đến ngày 10/02/2003 thì Lâm Thị B tử vong, còn Đoàn Thị Thúy Đ thì xuất viện ngày 21/3/2003. Nay yêu cầu bị cáo phải bồi thường chi phí điều trị, mai táng phí cho bà B với số tiền 200.000.000 đồng và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa, sau khi xét hỏi, tranh luận, xem xét tính chất vụ án, mức độ và hậu quả từ hành vi phạm tội của bị cáo, xem xét các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, phát biểu lời luận tội và quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị với Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Khoản 4 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm d, i, k khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Trịnh Văn H từ 18 năm tù đến 20 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Trịnh Văn H bồi thường cho bà Đoàn Thị Thúy Đ 170.000.000 đồng và bồi thường cho đại diện hợp pháp người bị hại Lâm Thị B thiệt hại 200.000.000 đồng.

Về phần xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy:

Giấy chứng minh nhân dân số 330351707 của Trịnh Văn H do Công an tỉnh Cửu Long cấp ngày 05/10/1979;

Giấy chứng minh nhân dân số 270942101 của HBT do Công an tỉnh Đồng Nai cấp ngày 27/6/2011.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Trịnh Văn H: Không tranh luận với Kiểm sát viên về tội danh cũng như Điều luật áp dụng đối với bị cáo. Tuy nhiên mức án trên là quá nghiêm khắc đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử quan tâm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa tiền án, tiền sự; bị cáo là người có trách nhiệm với gia đình và con cái, chỉ vì quá lo làm ăn nên đã không kiểm soát được việc làm của vợ dẫn đến nợ nần. Khi bị cáo bị bệnh lẽ ra vợ bị cáo phải chăm sóc, điều trị cho bị cáo nhưng ngược lại vợ bị cáo lại lấy tiền bỏ đi để lại 02 con nhỏ cho bị cáo. Khi bị cáo đi tìm lại thuê người khác đánh bị cáo làm bị cáo quần trí nên dẫn đến việc phạm tội; bị cáo không phải là người trực tiếp gây ra hậu quả; xuất thân từ thành phần nhân dân lao động nghèo, học thức thấp nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế; trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ rõ thái độ ăn năn, hối cải. Hiện tại bị cáo là người lớn tuổi, lại bệnh tật, sức khỏe kém; Bị hại

có yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét để xử phạt bị cáo mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an tỉnh An Giang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại, đại diện hợp pháp cho người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Trong vụ án này còn người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do, mặc dù Tòa án đã tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ. Xét thấy, sự vắng mặt của họ không gây trở ngại đến việc xét xử giải quyết vụ án, khi cần thiết Hội đồng xét xử sẽ công bố lời khai của họ trước tòa. Căn cứ Điều 292 và Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Hành vi phạm tội của bị cáo thực hiện trước 00 giờ 00 phút ngày 01/01/2018 và tính đến ngày mở phiên tòa là ngày 13/7/2018 thì Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 đã có hiệu lực ngày 01/01/2018. Tuy nhiên, tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009 so với Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 thì quy định tại Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 là có lợi cho bị cáo. Đồng thời, đối với các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 so với Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 thì quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có lợi cho bị cáo. Vì vậy, căn cứ Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về hiệu lực thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009 và Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xét xử đối với hành vi phạm tội của bị cáo. Đối với các vấn đề khác trong vụ án, Hội đồng xét xử sẽ áp dụng quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 để giải quyết.

[2] Những chứng cứ xác định hành vi phạm tội của bị cáo:

Lời khai nhận tội của bị cáo Trịnh Văn H tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra; lời khai của người bị hại, đại diện hợp pháp cho người bị hại và những người làm chứng về diễn biến của vụ án; phù hợp với Biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 30/12/2002 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra – Công an huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang; Biên bản giám định pháp y số 177/BB.PY ngày 06/6/2003 của Tổ chức giám định pháp y và pháp y tâm thần tỉnh An Giang về thương tích của người bị hại Đoàn Thị Thúy Đ; Hồ sơ bệnh án của người bị hại Lâm Thị B điều trị tại Bệnh viện Chợ Rẫy từ ngày 09/01/2003 đến ngày 10/02/2003; cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Có đủ căn cứ kết luận: Đêm 29/12/2002, do mâu thuẫn với người sống chung như vợ chồng là bà Lâm Thị B, bị cáo Trịnh Văn H đã thuê người tên M (không rõ họ, địa chỉ) dùng acid tạt vào giường của Lâm Thị B và em Đoàn Thị Thúy Đ (sinh ngày 25/8/1996) đang ngủ. Hậu quả làm bà Lâm Thị B bỏng acid 20% độ II, III toàn thân, đến ngày 10/02/2003 thì tử vong; em Đoàn Thị Thúy Đ bị bỏng acid với tỷ lệ thương tật 68%.

Căn cứ vào quy định của pháp luật thì hành vi của bị cáo Trịnh Văn H đã phạm tội “Cố ý gây thương tích”, phạm vào khoản 4 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang đã truy tố bị cáo về tội danh và Điều luật đã viện dẫn là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[3] Đối với Võ Hoàng V (MN) có hành vi giúp bị cáo Trịnh Văn H tìm thuê đối tượng M để tạt acid người bị hại và đối tượng M có hành vi dùng acid để tạt người bị hại theo yêu cầu của bị cáo Trịnh Văn H đã có dấu hiệu của tội phạm với vai trò là đồng phạm. Tuy nhiên, Võ Hoàng V đã chết vào ngày 16/11/2009 và người đàn ông tên M do chưa xác định được nhân thân, lai lịch nên Cơ quan Cảnh sát Điều tra – Công an tỉnh An Giang tiếp tục điều tra, làm rõ để xử lý sau.

[4] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Tính mạng, sức khỏe của con người là vốn quý của xã hội, được mọi người tôn trọng và pháp luật bảo vệ. Mọi hành vi xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe của người khác một cách trái pháp luật đều là hành vi nguy hiểm cho xã hội và sẽ bị xử lý kịp thời, nghiêm minh bằng pháp luật.

Tại thời điểm xảy ra vụ án, bị cáo Trịnh Văn H là người trong độ tuổi trung niên, có đầy đủ sức khỏe và nhận thức chín chắn được việc làm của bản thân, cũng như phân biệt được việc nào đúng, việc nào sai, việc nào là vi phạm pháp luật. Lẽ ra, sau một thời gian chung sống như vợ chồng lâu dài và có 02 người con chung với bị hại B thì bị cáo phải biết thể hiện là người chồng, người cha có trách nhiệm để vun đắp hạnh phúc gia đình, nuôi dạy con cái. Nếu bị cáo và bị hại phát sinh mâu thuẫn thì bị cáo phải bình tĩnh, tìm hiểu rõ nguyên nhân để có biện pháp giải quyết phù hợp với quy định của pháp luật và đạo đức xã hội nhằm bảo vệ gia đình, bảo vệ quyền lợi của các con của bị cáo và còn là làm tấm gương tốt cho con

cháu noi theo. Thế nhưng bị cáo thì ngược lại, do bản tính hung hãn, côn đồ, ghen tuông mù quáng và xem thường pháp luật, xem thường tính mạng sức khỏe của người khác nên bị cáo đã cố ý phạm tội bằng thủ đoạn thuê người khác dùng acid thực hiện hành vi phạm tội. Mặc dù bị cáo biết rõ acid là hóa chất cực kỳ nguy hiểm, nếu sử dụng để tạt vào cơ thể con người có thể gây ra hậu quả đặc biệt nghiêm trọng là “chết người” nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hậu quả làm cho người bị hại Lâm Thị B bị bỏng acid nặng dẫn đến tử vong và em Đoàn Thị Thúy Đ bị bỏng acid gây biến dạng, để lại di chứng nặng nề vùng mặt và rải rác cẳng tay phải, hư và chít hẹp hoàn toàn mắt phải.

Hành vi của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, mang tính nguy hiểm cao cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến tính mạng, sức khỏe của những người bị hại, gây ra đau thương, mất mát và để lại hậu quả nặng nề, di chứng lâu dài cho gia đình nạn nhân không gì có thể bù đắp được; gây hoang mang và sự căm phẫn trong quần chúng nhân dân nơi xảy ra vụ án. Bị cáo thực hiện tội phạm với vai trò là người chủ mưu thuê người khác thực hiện hành vi phạm tội, sau khi phạm tội, bị cáo đã bỏ trốn, gây khó khăn cho cơ quan tiến hành tố tụng trong việc điều tra giải quyết vụ án, thể hiện sự xem thường pháp luật và đạo đức xã hội. Việc dùng acid để tạt vào người bị hại khi đang ngủ như nêu trên được xem là “dùng thủ đoạn có khả năng gây nguy hại cho nhiều người”, “phạm tội đối với người ở trong tình trạng không thể tự vệ được” là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, ngoài ra bị cáo còn có nhiều tính tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự khác là “phạm tội có tính chất côn đồ” và “phạm tội đối với trẻ em” theo quy định tại điểm d, i, k khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 nên cần phải có một mức hình phạt thật nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội mới có tác dụng giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội.

Tuy nhiên có xem xét: Bị cáo xuất thân từ thành phần nhân dân lao động nghèo, học thức thấp; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, tỏ rõ thái độ ăn năn, hối cải. Đại diện bị hại có đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 mà Hội đồng xét xử áp dụng để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[5] Các biện pháp tư pháp khác:

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Trịnh Văn H thực hiện hành vi phạm tội, đã trực tiếp xâm hại đến tính mạng, sức khỏe của những người bị hại thì phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại về vật chất cũng như tinh thần cho người bị hại.

Tại Tòa, người bị hại Đoàn Thị Thúy Đ yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại chung là 170.000.000 đồng; ông Nguyễn Hoài Th (đại diện hợp pháp cho người bị hại Lâm Thị B) yêu cầu bị cáo phải bồi thường chi phí điều trị, mai táng phí và tổn thất tinh thần với số tiền 200.000.000 đồng. Bị cáo đồng ý bồi thường.

Xét thấy, yêu cầu của người bị hại và đại diện hợp pháp của người bị hại là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật và bị cáo đồng ý. Đây là sự tự nguyện của các bên, không trái quy định của pháp luật và đạo đức xã hội nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với ông Nguyễn Hồng A không yêu cầu bị cáo phải bồi thường tiền mất thu nhập khi chăm sóc người bị hại Đoàn Thị Thúy Đ trong quá trình điều trị nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra thu giữ của bị cáo:

Giấy chứng minh nhân dân số 330351707 của bị cáo Trịnh Văn H không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên được trả lại.

Đối với Giấy chứng minh nhân dân số 270942101 của mang tên HBT do bị cáo sử dụng trong quá trình lẩn trốn. Đây là giấy chứng minh nhân dân của HBT đã bị mất vào năm 2014, hiện nay đã được cấp lại và ông T không yêu cầu nhận lại, hiện không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[6] Về án phí: Bị cáo Trịnh Văn H là người cao tuổi nên không phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 259; Điều 260; Điều 268; Điều 269 và Điều 299 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tuyên bố bị cáo Trịnh Văn H (HH, HBT) phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng: Khoản 4 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm d, i, k khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội.

Xử phạt: Bị cáo Trịnh Văn H (HH, HBT) 18 (mười tám) năm tù.

Thời hạn tù được tính kể từ ngày 12/5/2017.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 46; Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 584; Điều 585; Điều 586; Điều 590 và Điều 591 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Trịnh Văn H (HH, HBT) có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm cho bà Đoàn Thị Thúy Đ với tổng số tiền là 170.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi triệu đồng).

Buộc bị cáo Trịnh Văn H (HH, HBT) có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho đại diện hợp pháp của người bị hại Lâm Thị B với tổng số tiền là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) do ông Nguyễn Hoài Th đại diện nhận.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Trả lại cho bị cáo Trịnh Văn H (HH, HBT) 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân số 330351707 của Trịnh Văn H do Công an tỉnh Cửu Long cấp ngày 05/10/1979.

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân số 270942101 của HBT do Công an tỉnh Đồng Nai cấp ngày 17/6/2011.

(Tất cả các vật chứng trên hiện do Cục thi hành án dân sự tỉnh An Giang quản lý theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 18/4/2018 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an tỉnh An Giang và Cục thi hành án dân sự tỉnh An Giang)

Áp dụng: Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Bị cáo Trịnh Văn H (HH, HBT) phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Bị cáo; người bị hại; đại diện hợp pháp cho người bị hại được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được thông đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, sự tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Cục THA.DS tỉnh An Giang;
- Trại tạm giam;
- Phòng CSĐT (PC45);
- Bị cáo;
- Đường sự;
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ và Thi hành án hình sự;
- Tòa Hình sự;
- PV 27;
- Sở Tư pháp;
- Văn phòng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Ngọc Linh